TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2018/DS-PT
Ngày: 20 - 11 - 2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Khưu Để Dành;

Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/DS-PT, ngày 18 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2018/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2018/QĐXX-DSPT ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: Số 077, tổ 6, khóm XB, thị trấn TB, huyện TB (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: Số 032, khóm XB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 130 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường AL, quận NK, thành phố CT (theo Giấy ủy quyền ngày 07/11/2018) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Số 032, khóm XB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn X: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 130 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường AL, quận NK, thành phố CT (theo Giấy ủy quyền ngày 07/11/2018) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Mỹ H là bị đơn; Ông Huỳnh Văn X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Bà Lê Thị Mỹ H (sau đây gọi tắt là bà H) có tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng, gồm 36 phần, bà H tham gia 01 phần, hụi mở vào ngày 20/11/2017 âm lịch, hụi mãn vào ngày 30/11/2018 âm lịch (tức ngày 05/01/2019 dương lịch), 10 ngày khui hụi một lần. Bà H hốt hụi đầu tiên vào ngày 20/11/2017 âm lịch (tức ngày 06/01/2018 dương lịch), số tiền bà H hốt hụi là 292.500.000 đồng. Bà H đã nộp hụi chết được 19 lần là 190.000.000 đồng, còn nợ lại 17 lần hụi chết là 170.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, gồm 57 phần, bà H tham gia 02 phần, hụi mở vào ngày 30/02/2018 âm lịch, hụi mãn vào ngày 10/11/2018 âm lịch (tức ngày 16/12/2018 dương lịch), 05 ngày khui hụi một lần. Bà H hốt 02 phần hụi vào ngày 30/02/2018 âm lịch (tức ngày 15/4/2018 dương lịch), số tiền hốt hụi là 487.800.000 đồng. Bà H nộp hụi chết được 18 lần là 180.000.000 đồng, còn nợ lại 39 lần hụi chết là 390.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi phần 2.000.000 đồng, gồm 62 phần, bà H tham gia 04 phần, hụi mở vào ngày 28/01/2018 âm lịch, hụi mãn vào ngày 30/3/2019 âm lịch (tức ngày 04/5/2018 dương lịch), 07 ngày khui hụi một lần. Bà H hốt 02 phần vào ngày 03/4/2018 âm lịch (tức ngày 17/5/2018 dương lịch), số tiền hốt hụi là 221.200.000 đồng. Bà H nộp hụi chết được 08 lần là 32.000.000 đồng, còn nợ lại 45 lần hụi chết là 180.000.000 đồng.

Còn lại 02 phần hụi sống bà H chưa hốt, bà H có nộp tiền hụi 68.000.000 đồng, bà H đồng ý trừ số tiền này vào khoản tiền bà H còn nợ tiền hàng bánh.

Nay bà yêu cầu bà H và ông Huỳnh Văn X (sau đây gọi tắt là ông X) cùng có nghĩa vụ trả số tiền 740.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu bà H và ông X cùng trả 649.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày 13/7/2018 đến khi xét xử.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H trình bày:

Thống nhất như ý kiến trình bày của bà T về nợ hụi. Bà thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà T là 740.000.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho bà T 649.700.000 đồng theo yêu cầu của bà T nhưng xin không tính lãi. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng hoặc trả dần 50.000.000 đồng/năm.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông X trình bày:

Ông không biết việc bà H nợ tiền hụi của bà T, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2018/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà H.

- Buộc bà H và ông X có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn 649.700.000đ và tiền lãi là 16.242.500đ. Tổng cộng là 665.942.500đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2018, bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, vì bà chỉ đồng ý nợ bà T số tiền 562.200.000đ.

Ngày 03/10/2018, ông X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, vì ông không đồng ý nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn bà T trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Bị đơn bà H trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và ông X. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông X và đơn kháng cáo của bà H trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng theo quy định

pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo của bà H:

Theo các Sổ hụi, các Biên nhận nhận tiền hốt hụi do bà T giao nộp cho Tòa án và được bà H thừa nhận; Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản đối chất, bà H thừa nhận còn nợ của bà T các phần hụi chết chưa trả tiền tổng cộng là 740.000.000đ như bà T yêu cầu. Việc bà H không góp đầy đủ các phần hụi đã hốt là vi phạm quy định tại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 25, khoản 2 và khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Lẽ ra, bà H phải có nghĩa vụ trả đủ đầy các phần hụi chưa trả tổng cộng là 740.000.000đ, nhưng bà T chỉ yêu cầu bà H trả tiền vốn 649.700.000đ là đảm bảo quyền lợi của bà H.

Do bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi nên Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên buộc bà H trả lãi đối với tiền hụi chậm trả là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Bà H không có chứng cứ chứng minh về việc chỉ nợ bà T tiền hụi là 562.200.000đ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. Về nội dung kháng cáo của ông X:

Trong quá trình bà H tham gia góp hụi với bà T, hôn nhân của bà H và ông X vẫn tồn tại. Đồng thời, ông X thừa nhận có biết việc bà H tham gia góp hụi, bà H và ông X đều thừa nhận mục đích của việc tham gia góp hụi để có lợi nhuận nhằm trang trãi cho sinh hoạt cuộc sống gia đình.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên buộc ông X phải có trách nhiệm liên đới với bà H về việc nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà T là đúng theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông X không có chứng cứ chứng minh về việc bà H sử dụng số tiền hốt hụi vào mục đích riêng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4]. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên buộc bà H và ông X cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà T nhưng không buộc ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên về nghĩa vụ của đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Bản án sơ thẩm nhận định: thành viên đã hốt hụi có nghĩa vụ trả lại cho chủ hụi đủ số tiền hụi đã hốt được, cụ thể: 1.001.500.000đ (là tổng số tiền

hụi bà H hốt được) – 429.940.000đ (là số tiền bà H đã trả dần cho bà T) = 571.560.000đ (là số tiền bà H phải trả tiếp tục) là không đúng theo quy định tại Điều 17, Điều 20, khoản 2 Điều 25 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường. Phần này, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà H và ông X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn X.

- Sửa bản án sơ thẩm số: 50/2018/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang về nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Lê Thị Mỹ H và ông Huỳnh Văn X liên đới nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thanh T tiền hụi là 649.700.000đ và lãi là 16.242.000đ. Tổng cộng là 665.942.500đ.

- Bà Lê Thị Mỹ H và ông Huỳnh Văn X cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.638.000đ.

- Bà Phạm Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 17.800.000đ theo Biên lai thu số 0004332 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Lê Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Huỳnh Văn X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ